

Số: 32/2020/QĐST-DS

Ngày: 09-10-2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
VV Yêu cầu tuY bố một người có khó khăn trong nhận thức,
làm chủ H1nh vi
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, TH1NH PHỐ H1 N

TH1nh phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị V Anh

Thư ký phiên họp: Ông Ngô Hoàng H1 - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H tham gia phiên họp:

Ông Nguyễn T Viết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H, TH1nh phố H1 N mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự, thụ lý số 39/2019/TLST ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuY bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi” theo Quyết định mở phiên họp số 20/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 09 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Q Văn P, sinh năm 1934; Hộ khẩu thường trú: Số 40, làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N, xin vắng mặt tại phiên họp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

- **Anh Q Ngọc T1, sinh năm 1962;** Hộ khẩu thường trú: Số 17B làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N, xin vắng mặt tại phiên họp.

- **Chị Lưu Thị C, sinh năm 1973;** Hộ khẩu thường trú: Số 17B làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 58, ngõ 76, Làng Y P, phường Y P, quận T H, H1 N, xin vắng mặt tại phiên họp.

- **Cháu Q Trà M, sinh năm 2005;** Hộ khẩu thường trú: Số 17B làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N (cháu M là con anh T1, chị C do chị C là người đại diện theo pháp luật).

N DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu tuY bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi” của ông Q Văn P và các tài liệu có trong H sơ, N dung việc dân sự như sau:

Ông Q Văn P có vợ là bà Kiều Thị S (bà S sinh năm 1933 chết năm 1987), ông P và bà S sinh được 08 người con gồm: Q Thị N, Q Thị Kiều Y1, Q Thị Kiều B, Q Thị Kiều V, Q Ngọc T1, Q T1 Hùng, Q Thị Kiều L và Q Hùng T.

Anh T1 sinh ra khỏe mạnh bình thường, học hết lớp 7/10 thì nghỉ học. Năm 1982 anh T1 nhập ngũ, năm 1985 xuất ngũ về địa P. Năm 2004 anh T1 kết hôn với chị Lưu

Thị C, anh T1 và chị C có 01 con C là cháu Q Trà M, sinh năm 2005. Hiện anh T1 và chị C đang mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7/2019 đến nay.

Trong quá trình nhập ngũ anh T1 bị tai nạn giao thông ngã xuống đường, ngất vài phút rồi tự tỉnh nên anh T1 không điều trị gì. Từ năm 1987 anh T1 xuất hiện cơn ngứa ra, co giật toàn thân, cơn dài 01 đến 02 phút rồi tự hết. Sau đó anh được gia đình đưa đi khám và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai, H1 N. Khám N trú năm 2004 tại Bệnh viện tâm thần H1 N với chuẩn đoán *loạn thần động kinh không biệt định F06.8*. Nhiều năm nay, anh T1 điều trị ngoại trú tại Trung tâm y tế quận T H, được kê đơn uống thuốc H1ng ngày. Trong sinh hoạt H1ng ngày anh T1 hay cáu gắt, đập phá đồ đạc. Hiện anh T1 không có nghề nghiệp, anh được ông P và các anh chị em trong gia đình giúp đỡ về kinh tế.

Ông P là bố đẻ của anh T1 có đơn yêu cầu Tòa án tuY bố anh T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi và đề nghị Tòa án cử ông là người giám hộ cho anh T1.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 81/KHTH-BV ngày 03/9/2020 của Bệnh viện tâm thần TW1 đã kết luận: “*Anh Q Ngọc T1 bị bệnh loạn thần động kinh không biệt định cách khác (mã bệnh theo ICD 10: F06.8). Hiện tại: Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi dân sự*”.

Chị Lưu Thị C trình bày ý kiến: Chị và anh Q Ngọc T1 kết hôn năm 2004. Anh chị có 01 con C là cháu Q Trà M, chị xác nhận chị và anh T1 đang mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và đang sống ly thân nơi từ tháng 7/2019 đến nay. Chị đã nhận và đồng ý với kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 81/KHTH-BV ngày 03/9/2020 của Bệnh viện tâm thần TW1 đối với anh T1. Do chị và anh T1 đang có mâu thuẫn nên chị đề nghị Tòa án không cử chị là người giám hộ cho anh T1, chị cũng không đồng ý việc cử ông P là người giám hộ cho anh T1 vì ông P tuổi cao, sức khỏe yếu không đảm bảo để giám hộ cho anh T1. Đề nghị cử một trong các anh chị em ruột của anh T1 là người giám hộ cho anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận T H thụ lý giải quyết việc dân sự đúng thẩm quyền, về trình tự, thủ tục tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về N dung: Căn cứ kết luận giám định sức khỏe tâm thần của Bệnh viện tâm thần TW1 đã kết luận anh T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi nên cần có người giám hộ trong các giao dịch dân sự, yêu cầu của ông P là có căn cứ. Đề nghị căn cứ Điều 23, khoản 2 Điều 46, các Điều 47, 53, 54, 57, 58, 59 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 144; Điều 371, 372, 378 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của ông P. TuY bố anh T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi. Xác định ông P là người giám hộ của anh T1. Ông P được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận T H nhận định:

[1]. Về quan hệ huyết thống: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ, xác định: Anh Q Ngọc T1 có bố đẻ là ông Q Văn P và bà Kiều Thị S (bà S chết năm 1987). Anh T1 có vợ là chị Lưu Thị C, anh T1 và chị C có 01 con C là cháu Q Trà M, sinh năm 2005.

[2]. Về N dung: Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Q Văn P đề nghị Tòa án tuY bố anh Q Ngọc T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi và đề nghị cử ông là người giám hộ cho anh T1. Sau khi xem xét đơn yêu cầu của ông P đề nghị trưng cầu giám định sức khỏe tâm thần đối với anh T1. Ngày 19/5/2020 Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định năng lực H1nh vi dân sự đối với anh Q Ngọc T1 tại Bệnh viện tâm thần trung ương I.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 81/KHTH-BV ngày 03/9/2020 của Bệnh viện tâm thần TW1 đã kết luận: “Anh Q Ngọc T1 bị bệnh loạn thần động kinh không biệt định cách khác (mã bệnh theo ICD 10: F06.8). Hiện tại: Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi dân sự”.

Như vậy, từ những tài liệu, chứng cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở để xác định anh Q Ngọc T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi. Việc ông Q Văn P là bố đẻ của anh Q Ngọc T1 yêu cầu Tòa án tuY bố anh Q Ngọc T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về người giám hộ của anh T1: Theo tài liệu, chứng cứ có trong H sơ thể hiện: Anh T1 có vợ là chị Lưu Thị C, hiện anh chị đang mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7/2019 đến nay, chị C có ý kiến chị không đồng ý giám hộ cho anh T1. Anh T1 có con đẻ là cháu Q Trà M, sinh năm 2005, cháu M chưa đủ tuổi thành niên. Căn cứ các quy định của pháp luật không thể cử chị C hay cháu M làm người giám hộ cho anh T1.

Anh T1 là con đẻ của ông Q Văn P và bà Kiều Thị S (bà S đã chết năm 1987). Việc chị C từ chối giám hộ cho anh T1 và đề nghị không đồng ý cử ông P là người giám hộ cho anh T1 mà cử một trong các anh chị em ruột của anh T1 làm người giám hộ cho anh T1. Tuy nhiên ông P và anh T1 không đồng ý với yêu cầu này của chị C. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật dân sự thì *trường hợp giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vi thì phải được sự đồng ý của người đó nếu họ có năng lực thể hiện ý chí của mình tại thời điểm yêu cầu*. Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án đã triệu tập anh T1 lên để trình bày ý kiến, ngày 10/3/2020 và ngày 28/9/2020 anh T1 có bản tự khai *tôi đồng ý để bố tôi là Q Văn P là người đảm hộ cho tôi, ngoài bố tôi, tôi không yêu cầu ai khác*. Ông P khẳng định hiện nay sức khỏe của ông tốt, đủ khả năng để làm người giám hộ cho anh T1. Do đó việc ông P đề nghị cử ông là người giám hộ cho anh T1 là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 46, khoản 3 Điều 53, Điều 54 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q Văn P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí. Hoàn trả ông P số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 23, khoản 2 Điều 46, các Điều 47, 53, 54, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 144, các Điều 361, 367, 370, 371, 372, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. TuY bố anh Q Ngọc T1, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: Số 17B làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ H1nh vì dân sự.

2. Xác định ông Q Văn P, sinh năm 1934; Hộ khẩu thường trú: Số 40, làng Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường Y P, phường Y P, quận T H, TP H1 N là người giám hộ của anh Q Ngọc T1. Giao dịch dân sự của anh Q Ngọc T1 do ông Q Văn P xác lập, thực hiện.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Q Văn P được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Hoàn trả ông Q Văn P số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003818 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H, TP H1 N.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân quận T H có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân TH1nh phố H1 N có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND quận T H;
- Chi cục THADS quận T H;
- Dương sự;
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

TÊN NHÂN
DÂN.....⁽¹⁾

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÊN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Cố Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾ mở phiên họp sơ thẩm cùng khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/....../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁰⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

N DUNG VIỆC D N SỰ:⁽¹⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA T A N:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định: ⁽¹⁸⁾

[1]

[2]

[3]

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

- ⁽²⁰⁾

- Lệ pho sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

- Quyền không cảo, không nghị⁽²²⁾

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC D N SỰ

Nơi

nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nội).

(2) ể thứ nhất ghi số, ụ thứ hai ghi năm, ụ thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện í Y, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là công nhân thời vụ ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đủ; nếu là người chưa thành niên thời vụ sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đủ; nếu là cơ quan, tổ chức thời vụ ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đủ.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đủ; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thời vụ ghi chý trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đủ với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thời vụ ghi chý trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tôn Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lò Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đủ (nếu là Luật sư thời vụ ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thời vụ ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thời vụ ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thời vụ ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi nội dung quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thời vụ ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền không cáo, không nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thời vụ ghi:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÁN HỢP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"